



Original Article

Thailand's Experience of Developing Special Border Economic Zones and Some Policy Implications for Vietnam in Developing Border Economic Zones

Nguyen Tien Minh, Ha Van Hoi*

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Received 25 November 2019

Revised 04 December 2019; Accepted ... December 2019

Abstract: Thailand is one of the first countries in South East Asia establishing the proposed Special Border Economic Zone with Malaysia, Myanmar, Laos, and Cambodia. However, Thai government has to adjust development strategy after 5 years. This research clarifies the purposes, process, and Thailand's SBEZ model before the strategic adjustment, and simultaneously, offers a comparison with Vietnam's BEZ in order to suggest policies for developing Vietnam's BEZ in the future.

Keywords: Development, Special Border Economic Zone (SBEZ), border economic zone (BEZ), cross-border economic zone (CBEZ).

* Corresponding author.

E-mail address: hohiv@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4274>



Kinh nghiệm phát triển đặc khu kinh tế biên giới của Thái Lan và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam trong phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Nguyễn Tiến Minh, Hà Văn Hội*

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 25 tháng 11 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 12 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày ... tháng 12 năm 2019

Tóm tắt: Thái Lan là một trong những quốc gia sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á có kế hoạch thành lập các đặc khu kinh tế ở biên giới (SBEZ) của nước này với các nước khác gồm Malaysia, Myanmar, Lào và Campuchia. Tuy nhiên, sau 5 năm theo đuổi kế hoạch này, Chính phủ Thái Lan buộc phải điều chỉnh chiến lược phát triển SBEZ. Nghiên cứu này làm rõ mục đích, lộ trình thực hiện và mô hình SBEZ của Thái Lan trước khi có sự điều chỉnh mang tính chiến lược, đồng thời có sự so sánh với khu kinh tế cửa khẩu (BEZ) của Việt Nam, từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy phát triển BEZ của Việt Nam thành khu hợp tác kinh tế qua biên giới (CBEZ) trong thời gian tới.

Từ khóa: Phát triển, đặc khu kinh tế biên giới (SBEZ), khu kinh tế cửa khẩu (BEZ), khu hợp tác kinh tế qua biên giới (CBEZ).

1. Mở đầu

Trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh quan hệ hợp tác nhiều mặt với các nước láng giềng, trong đó có Trung Quốc, thì việc thành lập Khu hợp tác kinh tế qua biên giới (CBEZ) Việt Nam - Trung Quốc sẽ là khu chức năng quan trọng và là một trong những động lực chính cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh biên giới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của cả nước. Nhận thức rõ điều đó, chính phủ Việt Nam đang

nghiên cứu, hiện thực hóa mô hình CBEZ nhằm đạt những mục đích quan trọng về kinh tế và các vấn đề liên quan trên cơ sở hợp tác hai bên cùng có lợi, phát triển kinh tế gắn với ổn định về an ninh quốc phòng và đối ngoại. Chính vì vậy, việc học hỏi, tham khảo kinh nghiệm của Thái Lan để có định hướng phát triển các khu kinh tế cửa khẩu (Border Economic Zone - BEZ), thành Khu hợp tác kinh tế qua biên giới (Cooperation Border Economic Zone - CBEZ), là cần thiết.

2. Khái quát về đặc khu kinh tế biên giới của Thái Lan

2.1. Quan niệm của chính phủ Thái Lan về SBEZ

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hoihv@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4274>

Đặc khu kinh tế biên giới, theo quan điểm của chính phủ Thái Lan, dựa trên nền tảng khu kinh tế đặc biệt nhưng rộng hơn về phạm vi và nội dung hoạt động. SBEZ được biết đến như một khu vực địa lý được phân định ở biên giới giữa Thái Lan và các nước láng giềng hoặc nằm ở cả hai bên, được đảm bảo về mặt vật lý (có rào chắn) với cơ chế và chính sách riêng. Những ưu đãi đặc biệt dành cho các doanh nghiệp thuộc SBEZ cùng với một khu vực hải quan riêng biệt cùng với quy trình thủ tục gọn nhẹ. SBEZ sẽ hướng tới một số các hoạt động như phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các trung tâm vận tải và hậu cần, và tạo thuận lợi chung cho việc giao thương và đầu tư xuyên biên giới, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của khu vực biên giới. Trong một vài trường hợp, SBEZ còn có thể bao gồm một CBEZ.

SBEZ được vận hành theo những nguyên tắc giống như SEZ: (i) các nhà đầu tư được phép xuất nhập khẩu hàng hóa miễn thuế và không bị kiểm soát hối đoái; (ii) thủ tục giấy phép và những quy trình theo luật định khác được tạo điều kiện thuận lợi; và (iii) các doanh nghiệp được miễn giảm nghĩa vụ thuế GTGT, thuế doanh nghiệp và các loại phí địa phương. Tuy nhiên, SBEZ còn có thể gồm một số thành phần hỗ trợ như thông tin, năng lượng, và các cơ sở hạ tầng mềm liên quan đến (a) quản trị (luật kinh doanh và những quy định ảnh hưởng tới thuận lợi thương mại, đầu tư và tài chính); (b) cơ sở hạ tầng kinh tế (các tiện ích tiện và hệ thống hậu cần, tài chính, các phương tiện sản xuất, lưu trữ); và (c) hạ tầng xã hội (thành phố biên giới, hệ thống giáo dục, đào tạo và nghiên cứu, hệ thống phúc lợi xã hội và chăm sóc sức khỏe) [1].

2.2. Mục đích thành lập SBEZ của Thái Lan

Chiến lược phát triển SBEZ của chính phủ Thái Lan nhằm đạt được mục đích sau:

(i) Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh cùng với sự chuyển giao bí quyết và công nghệ, nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị khu vực, từ đó kích thích các hoạt động giao thương và đầu tư xuyên biên

giới. Đồng thời, việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho lực lượng lao động địa phương của các nhà đầu tư sẽ góp phần thay đổi và nâng cao hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong SBEZ, bằng việc chuyển đổi từ phụ thuộc vào lao động chân tay và sản xuất cần nhiều tài nguyên thiên nhiên sang việc tận dụng nguồn lao động có tay nghề và sử dụng nguồn vốn. Kết quả là, khu vực biên giới sẽ nhận được lợi ích từ việc tập trung vào các hoạt động sản xuất và dịch vụ có giá trị gia tăng cao hơn ở một số lĩnh vực như công nghệ thông tin liên lạc, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, các hoạt động dựa trên nền tảng tri thức, nghiên cứu và phát triển hơn là việc phụ thuộc vào các SEZ truyền thống vốn dựa vào những yếu tố đầu vào sơ cấp và nguồn lao động rẻ, thiếu tay nghề dọc biên giới [1].

(ii) Tạo việc làm và phát triển các kỹ năng cho người dân địa phương, góp phần thiện phúc lợi kinh tế và xã hội cho người dân sống dọc các tỉnh biên giới;

(iii) Tạo chất xúc tác cho thương mại dọc hành lang biên giới Thái Lan với các nước láng giềng, hỗ trợ giao thương và đầu tư xuyên biên giới, đặc biệt là dọc các khu vực hành lang;

(iv) Nâng cao phát triển kinh tế và xã hội cho các tỉnh biên giới nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định và thịnh vượng cho dân cư địa phương; và

(v) Đóng vai trò như một “khu vực kiểu mẫu” và hướng đến sự hội nhập rộng hơn giữa tiểu vùng và khu vực.

2.3. Lựa chọn mô hình SBEZ

Trong chiến lược phát triển SBEZ, chính phủ Thái Lan đã tiếp cận theo các cấp độ sau:

Cấp độ 1: Thiết lập các phương tiện và hoạt động hỗ trợ cho SBEZ tại một trong hai hoặc cả hai phía biên giới

Ở cấp độ này, SBEZ dựa trên một mô hình thương mại đơn giản, căn cứ vào những lợi thế so sánh của khu vực tiếp giáp giữa Thái Lan và các nước láng giềng và có thể mở rộng giao thương với các quốc gia khác. Chính vì vậy, việc hình thành một SBEZ ở biên giới mang tính khả thi hơn, dựa trên những điều kiện về cơ sở hạ tầng, sự phát triển của các hoạt động giao

thương hiện có. Với cấp độ này, SBEZ chỉ mang tính chất hoạt động của một khu kinh tế bình thường ở khu vực biên giới.

Cấp độ 2: Phát triển các chuỗi giá trị xuyên biên giới và cơ sở hạ tầng cứng/mềm để hỗ trợ SBEZ

Ở cấp độ này, hợp tác xuyên biên giới có thể dưới hình thức những thỏa thuận chính thức hoặc không chính thức trong việc phát triển hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông đường sắt hoặc đường bộ, nhằm hỗ trợ cho phát triển thương mại ở khu vực biên giới. Ở cấp độ chính sách, việc thực thi một hiệp định thương mại xuyên biên giới (Cross Border Trade Agreement - CBTA) ở Tiểu vùng sông Mê Kông (Greater Mekong Subregion - GMS) nhằm đơn giản hóa các thủ tục và giảm bớt các rào cản giữa các quốc gia [1]. Ở cấp độ này, mỗi bên có thể hình thành một ủy ban hoặc hội đồng quản lý và được hỗ trợ bởi một nhóm các chuyên gia để điều phối và kết nối giữa chính phủ và doanh nghiệp.

Cấp độ 3: Mở rộng giao thương, đầu tư xuyên biên giới, phát triển các dịch vụ trong SBEZ

Ở cấp độ này, là một mô hình toàn diện hơn gồm việc mở rộng và phát triển các hoạt động giao thương và đầu tư xuyên biên giới; Hình thành cơ sở sản xuất công nghiệp, các trung tâm tài chính, các trung tâm các dịch vụ, trung tâm đào tạo. Đồng thời, cần hình thành một khung khổ pháp lý để điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động của SBEZ.

2.4. Các lĩnh vực hoạt động của SBEZ

Theo Kế hoạch thành lập các SBEZ của Thái Lan, SBEZ sẽ được thành lập dựa trên mô hình SEZ. Các hoạt động sẽ được triển khai tại SBEZ gồm:

1) Các chuỗi giá trị xuyên biên giới

SBEZ sẽ mang lại những cơ hội mới cho việc phát triển chuỗi giá trị xuyên biên giới giữa Thái Lan và các nước láng giềng, từ đó hình thành nên một phần của các chuỗi giá trị trong khu vực hoặc toàn cầu. Các doanh nghiệp nằm trong SBEZ có điều kiện gia tăng sự tham gia của họ vào các chuỗi giá trị trong khu vực và

toàn cầu, bằng cách tạo ra giá trị gia tăng qua xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ra các nước láng giềng và các nước khác trên thế giới (4). Đồng thời, các liên kết thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất của các cơ sở sản xuất tại các địa phương vùng biên giới. Đặc biệt là sản xuất, khai thác và chế biến nông, lâm sản, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới.

2) Dịch vụ Logistics

Hoạt động của SBEZ sẽ kém hiệu quả, nếu thiếu đi một hệ thống logistics, bởi vai trò của logistics ngày càng trở nên quan trọng, hệ thống logistics là công cụ liên kết các hoạt động trong **chuỗi giá trị toàn cầu** từ hoạt động cung cấp, sản xuất, lưu thông phân phối cho đến mở rộng thị trường cho các hoạt động kinh tế. Khi thị trường toàn cầu phát triển với các tiến bộ công nghệ, đặc biệt là việc mở cửa thị trường, logistics được coi như là công cụ, một phương tiện liên kết các lĩnh vực khác nhau trong phát triển kinh tế của một quốc gia.

Tại các SBEZ, logistics cửa khẩu sẽ tận dụng ưu thế quốc tế hoá của cửa khẩu, phát huy tối đa ưu điểm của tuyến đường lưu thông hàng hoá quốc tế cửa khẩu và đặc điểm là trung tâm trung chuyên hàng hoá của khu vực, trên cơ sở các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại cửa khẩu, lấy kỹ thuật thông tin làm chỗ dựa, đẩy mạnh tác dụng đầu tàu và sức lan toả của các hoạt động kinh tế cửa khẩu, tạo nên một hệ thống dịch vụ tổng hợp có tính quốc tế và khả năng kết nối mạnh mẽ.

Các cửa khẩu biên giới của Thái Lan với ưu thế là đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, kết nối, phạm vi và tầm ảnh hưởng của hệ thống logistics cửa khẩu sẽ ngày càng mở rộng. Logistics cửa khẩu sẽ thúc đẩy mạnh mẽ gia công xuất nhập khẩu và thương mại cửa khẩu phát triển, đưa SBEZ của Thái Lan tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực, góp phần giúp Thái Lan trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực.

3) Xây dựng khung pháp lý và cải tiến thủ tục hành chính

Việc thành lập một SBEZ cũng đồng nghĩa với việc là đơn giản hóa các thủ tục hành chính và minh bạch hóa các quy định có tính pháp lý.

Đó chính là một trong các nhân tố quan trọng thúc đẩy thu hút đầu tư vào khu vực biên giới. Việc đơn giản hóa các quy định hành chính bao gồm quy trình phê duyệt đầu tư, giấy phép lao động cho người nước ngoài, loại bỏ một số giấy phép nhập khẩu và xuất khẩu theo quy định (4).

4. Chiến lược phát triển vùng

Sự khác biệt giữa SBEZ và SEZ thông thường là có sự kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển dài hạn của SBEZ với chiến lược phát triển KTXH của các địa phương trong vùng. Đi đôi với việc cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội ở các địa phương tại khu vực biên giới, chiến lược phát triển SBEZ sẽ chú trọng tới việc đào tạo và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động địa phương, góp phần tạo ra giá trị gia tăng cao cho các hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của SBEZ. Đồng thời, việc đảm bảo an ninh biên giới, giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh là rất cần thiết trong việc thu hút đầu tư vào SBEZ, nên vấn đề này cũng được chính phủ Thái Lan chú trọng trong Kế hoạch phát triển SBEZ.

5) Phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Một SEZ thông thường sẽ ưu tiên các doanh nghiệp lớn với năng lực kinh doanh tốt, trên nền tảng cơ sở hạ tầng đầy đủ, để có thể tham gia chuỗi giá trị với quy mô lớn. Cùng với những ưu đãi, các doanh nghiệp lớn sẽ có được thuận lợi trong việc nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm trung gian hoặc các thành phẩm. Tuy nhiên, đối với SBEZ, các mối liên kết cung ứng các yếu tố đầu vào có thể thông qua hình thức thầu phụ, bởi các doanh nghiệp lớn luôn phải cần đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với vai trò là các nhà thầu phụ, trong việc cung ứng một số yếu tố đầu vào.

Do đó, nhà nước và chính quyền địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương tham gia sản xuất cùng với những doanh nghiệp lớn. Ngoài ra, một số doanh nghiệp vừa và nhỏ nằm ngoài SBEZ cũng có thể bị cản trở bởi một số quy định pháp lý khi liên kết kinh doanh với các doanh nghiệp nằm trong SBEZ (chẳng hạn như mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ...). Chính vì vậy, chính phủ cần có các chương

trình ưu đãi phù hợp và cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận tốt hơn với các nguồn lực để nâng cao năng lực hoạt động, tạo thành mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp lớn trong SBEZ một cách bền vững. Chính phủ có thể sẽ thành lập một khu công nghiệp dành riêng cho các ngành phụ trợ và vận hành song song với SBEZ, để tạo điều kiện cho việc quản lý và điều hành các lĩnh vực hoạt động của SBEZ.

6) Các trung tâm dịch vụ phát triển kinh doanh

Ở giai đoạn đầu, chính phủ có thể sẽ tập trung vào việc thực hiện các chương trình và chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp trong SBEZ nhằm hình thành một phần các chuỗi giá trị đã được xác định trong chiến lược phát triển của SBEZ như đã nêu trên. Ở giai đoạn tiếp theo, một trung tâm Dịch vụ Phát triển Kinh doanh (Business Development Service - BDS) có thể được thiết lập để cung cấp một cách chính thức các dịch vụ khai hải quan, kiểm dịch; các dịch vụ như tài chính, bảo hiểm, viễn thông, vận tải và hậu cần, kiểm toán, tư vấn và tư vấn thuế; môi giới; dịch vụ về tài chính, tiền tệ[1]

2.5. Lộ trình triển khai thành lập SBEZ của Thái Lan

Từ đầu 2013, Thái Lan bắt đầu thử nghiệm thành lập những SBEZ tại các tỉnh biên giới với Malaysia, Myanmar và Campuchia. Chính phủ Thái Lan đã thành lập Ủy ban chuyên về đầu tư, chịu trách nhiệm đưa ra các sáng kiến thành lập SBEZ và đưa ra những chính sách ưu đãi thuế và các đặc quyền đầu tư khác có liên quan đến SBEZ. Chẳng hạn, các nhà đầu tư đủ điều kiện được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp lên đến 8 năm; Khấu trừ kép từ chi phí vận chuyển, điện và nước; Giảm 25% chi phí xây dựng cơ sở; Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, nguyên liệu đầu vào; Được phép sử dụng lao động không có tay nghề ở nước ngoài...

Những lĩnh vực kinh doanh được khuyến khích đầu tư tại các SBEZ rất đa dạng, từ nông nghiệp, ngư nghiệp, gôm, dệt may, da giày, trang sức đến đồ nội thất, thiết bị y tế, ô tô, đồ điện tử, nhựa, dược phẩm, du lịch... Mỗi SBEZ

được phát triển thế mạnh theo vị trí địa lý. Ví dụ, đặc khu ở tỉnh phía nam Songkhla được lập kế hoạch trở thành trung tâm chế biến hải sản và cao su, đặc khu ở tỉnh Tak và Mukdahan vốn nằm dọc trên Hành lang Kinh tế Đông Tây sẽ tập trung phát triển dệt may và logistics (dịch vụ hậu cần)...

Chính phủ Thái Lan cũng lên kế hoạch tạo lập 5 đặc khu kinh tế ở vùng giáp biên giới với các nước láng giềng nhằm tạo ra nguồn thu qua biên giới hàng tỷ USD trong vòng 1 năm.

Các đặc khu kinh tế này sẽ được thành lập ở tỉnh Mukdaharn giáp Lào, Srakaew và Trat giáp Campuchia, huyện Sadao thuộc tỉnh Songkla giáp Malaysia và Mae Sot thuộc tỉnh Tak giáp với biên giới Myanmar. Cụ thể:

Thứ nhất, SBEZ tại biên giới Thái Lan và Malaysia. Trong các ý tưởng thành lập các SBEZ, SBEZ Thái Lan – Malaysia được chính phủ Thái Lan chú trọng nhất. Đây là một phần quan trọng trong các chính sách kinh tế của chính phủ Thái Lan với kỳ vọng sẽ giúp tăng cường an ninh biên giới, giảm buôn lậu trong đó có cả nạn buôn người đang xảy ra tại biên giới giữa hai nước. Trong những năm 1980, Thái Lan là nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới và Malaysia cũng là một “con hổ kinh tế”, tập trung vào hiện đại hóa nền kinh tế và trở thành một quốc gia Hồi giáo hàng đầu. Sau những vụ xung đột biên giới Thái Lan - Malaysia, chính phủ Thái Lan đã rất chú trọng đến việc quản lý khu vực biên giới với Malaysia. Các quan chức cấp cao hai nước đã gặp nhau để thảo luận về nhiều đề xuất thúc đẩy thương mại biên giới như một phần của Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Đồng thời, trong Kế hoạch thực hiện của Tam giác phát triển Thái Lan - Malaysia - Indonesia (2012 - 2016) chính phủ hai nước cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hợp tác trong tiểu vùng, coi đó như một bộ phận có sẵn cho sự hình thành AEC. Kế hoạch này cũng được ADB hỗ trợ kỹ thuật nhằm thúc đẩy sự phát triển thương mại cho Tam giác này và các chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông. Những hỗ trợ về kỹ thuật nhằm tới Tam giác này, cùng với nỗ lực của chính phủ Thái Lan sẽ tạo thuận lợi cho mậu

dịch xuyên biên giới, góp phần tạo ra sự thành công của SBEZ này.

Thứ hai, SBEZ tại biên giới của Thái Lan và Myanmar. **Nửa cuối tháng 1/2013, chính phủ Thái Lan đã thông qua dự án phát triển một khu kinh tế đặc biệt vùng biên tại huyện Mae Sot, tỉnh Tak, đối diện với huyện Kawkareik, tỉnh Kayin của Myanmar.** Dự án do Ủy ban phát triển kinh tế xã hội quốc gia Thái Lan đề xuất trong tiến trình hình thành AEC 2015 và phát triển hành lang kinh tế Đông-Tây của nước này. Khu kinh tế đặc biệt ban đầu sẽ được xây dựng trên địa bàn hai xã Mae Pa và Tha Sai Luad, với diện tích khoảng 8,96 km². Trong đó có kế hoạch xây cây cầu hữu nghị thứ hai tại biên giới Thái Lan-Myanmar để giảm tình trạng ùn tắc giao thông trên cầu hữu nghị Thái Lan-Myanmar. Đồng thời, hệ thống dịch vụ một cửa tương thích với hệ thống một cửa của ASEAN sẽ được thiết lập, theo sáng kiến liên kết dữ liệu và thuế quan ASEAN để chuẩn bị sẵn sàng cho hội nhập kinh tế khu vực vào năm 2015. Đồng thời, khu công nghiệp, khu vực miễn thuế, các trung tâm vận chuyển phân phối hàng hóa, kho ngoại quan, dịch vụ một cửa, trạm kiểm tra hải quan một lần, cùng hạ tầng giao thông thuận tiện sẽ được xây dựng đồng bộ cho khu kinh tế đặc biệt này. Bên cạnh đó, các dự án phát triển khác cho huyện Mae Sot, bao gồm dự án xây dựng đường sắt, đường cao tốc bốn làn Mea Sot-Tak, sân bay và các khu công nghiệp cũng đã được chính phủ Thái Lan thông qua về nguyên tắc. Nội các Thái Lan cũng nhất trí đầu tư ban đầu 51 tỷ baht để xây dựng cơ sở hạ tầng tại nhiều tỉnh miền Trung và miền Bắc.

Theo đánh giá của Văn phòng Kinh tế Công nghiệp Thái Lan, Mae Sot nằm trên tuyến đường thông thương quan trọng với Myanmar nên có tiềm năng phát triển kinh tế mạnh mẽ. SEZ này sẽ mang lại lợi ích cho nhiều ngành nghề lao động chuyên ngành như công nghiệp dệt may, các nhà máy đóng hộp rau quả và trái cây, cũng như các doanh nghiệp chế biến gỗ và sản xuất đồ nội thất. Giá trị thương mại mậu biên ở Mae Sot đã đạt 30 tỷ baht (hơn 100 triệu USD) trong năm 2012, mức cao nhất ở khu vực phía Bắc Thái Lan.

Thứ ba, SBEZ tại biên giới của Thái Lan và Cam-pu-chia. Giữa tháng 6/2013, tại cuộc họp Ủy ban chung Thái-lan - Campuchia về kết nối và phát triển khu vực biên giới diễn ra tại Thủ đô Phnom Penh (Campuchia, hai bên nhất trí hợp tác hướng tới thành lập hai đặc khu kinh tế tại khu vực biên giới nhằm thúc đẩy thương mại, đầu tư và cải thiện đời sống của người dân dọc biên giới hai nước. Hai SBEZs sẽ được thành lập, một nằm tại tỉnh Banteay Meanchey giáp tỉnh biên giới Sa Kaeo của Thái Lan và một đặc khu khác tại tỉnh Koh Kong giáp tỉnh Trat của Thái Lan hai đặc khu kinh tế ở khu vực biên giới giữa tỉnh Sa Kaeo và Trat (Thái-lan) với Banteay Meanchey và Koh Kong (Campuchia), phát triển cơ sở hạ tầng các tuyến đường 5, 8 và 48 ở Thái-lan nối với Koh Kong và tuyến đường sắt nối tỉnh Sa Kaeo với Banteay Meanchey. Hai đặc khu kinh tế này sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong việc tăng cường và mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước láng giềng.

Thứ tư, bên cạnh kế hoạch hình thành các SBEZ tại biên giới của Thái với các nước Malaysia, Myanmar, Campuchia, chính phủ Thái Lan cũng có kế hoạch nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng như đường bộ và đường sắt nhằm kết nối năm đặc khu kinh tế trên với các nước láng giềng cũng như với các vùng miền của nước này. Chẳng hạn như tuyến đường sắt kết nối khu vực biên giới Aranyaprathet của Thái Lan với Poi Pet của Campuchia, một sân bay tại Mae Sot, tuyến đường cao tốc và đường sắt nối Hat Yai của Songkla với Padang Besar của Malaysia; một tuyến đường sắt tốc độ trung bình cũng sẽ được xây dựng để nối tỉnh Vân Nam phía Nam Trung Quốc với tỉnh Nong Khai của Thái Lan, chạy xuyên qua thủ đô Vientiane của Lào.

2.6. Đánh giá chiến lược phát triển SBEZ của Thái Lan

Mặc dù kế hoạch thành lập các SBEZ đã hình thành từ đầu năm 2013, nhưng cho đến nay, SBEZ vẫn chưa đi vào hoạt động. Chính phủ Thái cũng đã tiến hành điều chỉnh chiến lược phát triển các SBEZ theo hướng tăng

cường đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường hợp tác kinh tế biên giới. Nguyên nhân là do tình trạng đầu cơ, sốt đất đã đẩy chi phí xây dựng vượt ngoài dự tính ban đầu. Đồng thời, mô hình đặc khu ở các tỉnh biên giới cũng không đảm bảo khả năng cạnh tranh với những nước láng giềng dọc sông Mekong. Hàng hóa từ những nền kinh tế đang phát triển như Myanmar, Lào, Campuchia và Việt Nam có thể được miễn thuế nhập khẩu vào Liên minh Châu Âu (EU). Trong khi đó, Thái Lan với vị thế một nền kinh tế phát triển hơn phải đối diện với mức thuế gần 30% đa số các mặt hàng nhập khẩu vào EU. Một số mặt hàng có thể chịu thuế lên đến 100%. Trước tình hình đó, chính phủ Thái Lan buộc phải cân nhắc lại những dự án SBEZ ở vùng biên giới theo hướng học hỏi từ các nước láng giềng và đẩy mạnh hợp tác hơn là cạnh tranh. Theo đó, Chính phủ sẽ tiến hành nhiều cuộc hội đàm cấp cao với các nước CLMV về hợp tác xây dựng SBEZ tại khu vực biên giới. Bên cạnh đó, Chính phủ nước này đang lên kế hoạch phát triển những khu vực biên giới thay vì tiếp tục theo đuổi mô hình xây dựng SBEZ. Chiến lược này nhằm thúc đẩy xuất khẩu, đồng thời tạo thêm việc làm cho người dân, thu hẹp sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị. Đồng thời, chính phủ Thái Lan đã có kế hoạch và chú trọng nhiều hơn vào các dự án xây dựng đường sắt kết nối khu vực, cải thiện giao thông và hậu cần ở các vùng tiếp giáp biên giới để thúc đẩy thương mại và đầu tư tại các đặc khu của những nước láng giềng. Đầu tư của doanh nghiệp Thái Lan vào hàng hóa xuất khẩu từ các nước láng giềng cũng tránh được hàng rào thuế quan của EU. Trước mắt nước này sẽ đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ hậu cần tại tỉnh Mukdahan. Khu vực này nằm sát biên giới với Lào, gần đặc khu kinh tế Savan Seno của nước láng giềng, bởi việc cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ hậu cần sẽ tạo điều kiện để nhà đầu tư Thái Lan quan tâm đến các dự án của Lào và hàng xuất khẩu từ nước này, giúp tận dụng lợi thế thuế nhập khẩu 0% vào thị trường EU. Chính phủ Thái Lan cũng dự tính đầu tư vào các cơ sở phục vụ thương mại và hậu cần ở những tỉnh biên giới phía tây và phía bắc, gần 2 thành phố Dawei và Myawaddy của

Myanmar. Cả hai thành phố đều có những dự án đặc khu kinh tế. Thái Lan kỳ vọng thương mại với Myanmar sẽ tăng gấp đôi từ giờ đến năm 2026, đạt 12 tỷ USD.

3. Định hướng phát triển BEZ của Việt Nam và một số gợi ý chính sách

3.1. Định hướng phát triển BEZ của Việt Nam

Thuật ngữ khu kinh tế cửa khẩu (Border Economic Zone - BEZ) mới được sử dụng ở Việt Nam vào cuối những năm 1990, khi quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam và Trung Quốc đã có những bước phát triển mới, đòi hỏi phải có mô hình kinh tế phù hợp nhằm khai thác các tiềm năng, thế mạnh kinh tế của hai nước thông qua các cửa khẩu biên giới.

Theo Nghị định số: 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018: Khu kinh tế cửa khẩu là khu kinh tế hình thành ở khu vực biên giới đất liền và địa bàn lân cận khu vực biên giới đất liền có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính và được thành lập theo các điều kiện, trình tự và thủ tục quy định.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong Đề án quy hoạch phát triển BEZ Việt Nam đến năm 2020: BEZ là một loại hình khu kinh tế, lấy giao lưu kinh tế biên giới qua cửa khẩu (cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính) làm nòng cốt, có ranh giới xác định, được thành lập bởi cấp có thẩm quyền, có cơ chế hoạt động riêng, mô hình quản lý riêng và có quan hệ chặt chẽ với khu vực xung quanh và nội địa phía sau [2].

Trên cơ sở đó, có thể hiểu khu BEZ là một khu vực không gian kinh tế xác định, gắn với cửa khẩu (quốc tế hoặc quốc gia), được cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập, được áp dụng các chính sách riêng về thương mại, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, du lịch, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng kết cấu hạ tầng, quản lý tài chính, tiền tệ và phát triển xã hội, để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, giao lưu kinh tế, thương mại, dịch vụ với các nước láng giềng, nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ an ninh vùng biên giới. Đặc trưng hoạt động kinh tế của BEZ

là thương mại, xuất nhập khẩu, dịch vụ, đầu tư, xây dựng, gia công chế biến...BEZ được cấp có thẩm quyền thành lập và quản lý bằng cơ chế, chính sách riêng phù hợp với điều kiện cụ thể [3].

Ở Việt Nam, tháng 10/2005, Chính phủ Việt Nam chính thức cho phép thành lập khu bảo thuế trong BEZ, cam kết sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong công tác phát triển cơ sở hạ tầng của BEZ. Đầu năm 2008, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển các BEZ của Việt Nam đến năm 2020”. Theo đó, đến năm 2020, cả nước sẽ có 30 BEZ. Cuối năm 2015, chính phủ Việt Nam đã lựa chọn 9 khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái; Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng; Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai; Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo; Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y; Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo; Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài; Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp; Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang.

Quan điểm của Chính phủ Việt Nam là phát triển các BEZ một cách bền vững và gắn liền với việc xây dựng và phát triển mối quan hệ chính trị hữu nghị, ổn định, bền vững giữa nước ta với các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia.

Đối với các khu kinh tế cửa khẩu tại các tỉnh biên giới giáp Trung Quốc:

Chính phủ cùng với các địa phương xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của vùng trung du và miền núi phía Bắc, đầu mối của hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh, Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam và Hà Nội - Móng Cái - Phòng Thành. Đẩy mạnh hợp tác phát triển trong quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh và Hải Phòng - Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh, vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ;

Chính phủ Việt Nam cũng hướng tới nâng cao chất lượng hoạt động và đẩy mạnh sự hợp tác giữa các địa phương vùng biên giới của hai nước để hình thành khu hợp tác kinh tế qua biên giới (Co-operation Border Economic Zone -

CBEZ), theo mô hình “hai nước một khu, tự do thương mại, vận hành khép kín” và bao gồm các phân khu chức năng như khu vực chế tạo, gia công; khu vực thông quan hàng hóa; khu vực kho bãi; các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí. Chính phủ hai nước sẽ cùng phối hợp quản lý, khai thác, phân chia lợi nhuận, áp dụng các chính sách ưu đãi để thu hút doanh nghiệp [4]

Ở cấp tỉnh:

Tháng 1/2007, chính quyền tỉnh Lạng Sơn (Việt Nam) và khu tự trị Quảng Tây (Trung Quốc) ký kết “Bản ghi nhớ xây dựng khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt - Trung”, hình thành Khu hợp tác kinh tế Đồng Đăng (Việt Nam) - Bằng Tường (Trung Quốc).

Tháng 11/2007, tỉnh Quảng Ninh và Quảng Tây ký kết “Hiệp định khung khu hợp tác kinh tế qua biên giới Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc)”. Đến năm 2012, hai bên đã ký hiệp định về xây dựng khu hợp tác kinh tế Móng Cái - Đông Hưng.

Tháng 11/2007, tỉnh Cao Bằng và khu tự trị Quảng Tây đã ký “Hiệp định hợp tác kinh tế biên giới khu cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc)”. Đến tháng 6-2008, khu hợp tác kinh tế qua biên giới Trà Lĩnh - Long Bang được hai nước đồng ý đưa vào quy hoạch năm năm phát triển kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc.

Tháng 8/2012, tỉnh Lào Cai và Vân Nam đã ký kết văn bản “Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Lào Cai (Việt Nam) - Hồng Hà (Trung Quốc)”.

Ở cấp quốc gia, trên cơ sở các bản ghi nhớ cấp tỉnh, tháng 10/2011, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết sáu văn bản quan trọng, trong đó có “Quy hoạch phát triển năm năm 2012-2016 về hợp tác kinh tế thương mại giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”. Đây là cơ sở quan trọng để các bên đàm phán thành lập các CBEZ.

Tháng 10/2013, hai nước ký kết “Bản ghi nhớ hiểu biết về xây dựng khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt - Trung”, sau đó đã cùng nhau soạn thảo “Phương án tổng thể khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt - Trung” để tiến hành các đàm phán mang tính kỹ thuật đối với

việc xây dựng khu hợp tác kiểu mới như vậy. Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại Trung Quốc được giao ký kết Bản ghi nhớ về xây dựng các khu hợp tác kinh tế tại các cặp cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng; Đồng Đăng - Bằng Tường; Lào Cai - Hà Khẩu.

Tháng 11/2017, hai nước đã ký Bản ghi nhớ về việc đẩy nhanh tiến độ đàm phán thỏa thuận khung về xây dựng các khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

Đối với các khu kinh tế cửa khẩu tại các tỉnh biên giới giáp Lào: Xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Tây các tỉnh miền Trung; trở thành những trung tâm giao lưu kinh tế, thương mại của vùng biên giới các tỉnh miền Trung với các tỉnh Bôlykhamxay, Xiêng Khoảng, Hủaphăn, Savanakhét và một số tỉnh khác của nước bạn Lào. Đầu mối xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ vào thị trường các tỉnh Trung, Bắc Lào, vùng Đông Bắc Thái Lan và Myanmar. Đẩy mạnh hợp tác phát triển trong quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây và hợp tác phát triển trong Tiểu khu vực Mê Kông mở rộng; phát triển thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ qua cửa khẩu;

Đối với các khu kinh tế cửa khẩu biên giới giáp Campuchia: Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu trở thành một trong những khu vực trọng điểm kinh tế của từng tỉnh, góp phần phân bố lại dân cư và lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương gắn kết chặt chẽ với củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững biên giới của Tổ quốc và bảo vệ môi trường sinh thái. Hợp tác phát triển trong quy hoạch phát triển 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia và hành lang kinh tế đường Xuyên Á;

3.2. So sánh SBEZ của Thái Lan, BEZ của Việt Nam và một số gợi ý đối với Việt Nam (Bảng 1)

Từ những phân tích trên, kết hợp với những nội dung so sánh trong bảng 1, cho thấy, có sự tương đồng giữa SBEZ của Thái Lan và BEZ của Việt Nam, cả về bản chất, mục đích, nội dung hoạt động, và một phần của mô hình mà Việt Nam có thể lựa chọn. Tuy nhiên kể từ khi

có ý tưởng thành lập các SBEZ, cho đến năm 2018, do nhiều nguyên nhân, chính phủ Thái Lan đã phải điều chỉnh chiến lược phát triển các SBEZ theo mô hình mới và đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng biên giới, tăng cường hợp tác kinh tế biên giới thay vì cạnh tranh [5]. Chính vì vậy, trong định hướng phát triển các BEZ, Việt Nam cần xác định rõ mô hình phát triển mà các BEZ cần hướng tới. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với các BEZ có định hướng phát triển thành CBEZ.

Như đã phân tích ở trên, từ năm 2007, một số tỉnh biên giới của Việt Nam với Trung Quốc, đã được chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc định hướng xây dựng 04 khu hợp tác kinh tế qua biên giới bao gồm: Móng Cái - Đông Hưng; Đồng Đăng - Bằng Tường; Trà Lĩnh - Long Bang và Lào Cai - Hà Khẩu. Tuy nhiên, cho đến nay, chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc vẫn đang trong quá trình đàm phán để xây dựng CBEZ. Nguyên nhân là do việc thành lập CBEZ đang gặp một số trở ngại, trong đó, vướng mắc lớn nhất đến từ “điểm nghẽn về chính sách” bởi: hai nước Việt Nam và Trung Quốc vẫn chưa thể thống nhất được cách thức

quản lý phù hợp. Nếu đồng ý với mô hình “hai nước một khu” thì áp dụng luật pháp của Việt Nam hay Trung Quốc; giải quyết thế nào với các vấn đề về an ninh, môi trường của từng nước? Nếu xây dựng khu hợp tác nói trên theo mô hình luật bên nào bên đó áp dụng, thì các khu này thực chất chỉ là “BEZ” [4].

Từ kinh nghiệm của Thái Lan cho thấy, với mục tiêu ban đầu là theo đuổi các dự án đặc khu kinh tế tại các vùng xa xôi, nghèo khó dọc biên giới (SBEZ) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu và tăng việc làm để thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị và muốn chứng minh vai trò một người chơi lớn nằm ở trung tâm khu vực, nhưng kế hoạch này đã thất bại do những nguyên nhân như đã nêu trên, và chính phủ Thái Lan đã phải chuyển hướng, thay vì xây dựng đặc khu riêng, Thái Lan muốn chuyển sang phát triển cơ sở hạ tầng kết nối với đặc khu các nước láng giềng. Chính phủ Thái Lan cũng khẳng định mong muốn hợp tác, phát triển cùng các nước sông Mekong thay vì cạnh tranh. Điều này, tương tự với việc hình thành CBEZ ở một số tỉnh biên giới Việt Nam với Trung Quốc như đã nêu ở trên.

Bảng 1. So sánh SBEZ của Thái Lan và BEZ của Việt Nam

Tiêu chí	SBEZ của Thái Lan	BEZ của Việt Nam
Bản chất	Là khu vực địa lý nằm dọc theo một biên giới quốc tế của một nước, hướng tới một số các hoạt động như phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các trung tâm vận tải và hậu cần, và tạo thuận lợi chung cho việc giao thương và đầu tư xuyên biên giới, khuyến khích sự phát triển kinh tế, xã hội của một khu vực dọc biên giới giữa các quốc gia.	Là một khu vực không gian kinh tế xác định, gắn với cửa khẩu quốc tế hoặc quốc gia, được cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập, được áp dụng các chính sách riêng về thương mại, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, du lịch, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng kết cấu hạ tầng, quản lý tài chính, tiền tệ và phát triển xã hội.
Mục đích	Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước Tạo việc làm và phát triển các kỹ năng cho người dân địa phương. Tạo chất xúc tác cho thương mại dọc hành lang biên giới; hỗ trợ giao thương và đầu tư xuyên biên giới; Phát triển kinh tế và xã hội cho các tỉnh biên giới và kiểm soát an ninh vùng biên giới, đặc biệt là biên giới với Malaysia Đóng vai trò như một “khu vực kiểu mẫu” và hướng đến sự hội nhập rộng hơn giữa tiểu	Thu hút đầu tư trong và ngoài nước Tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Phát triển sản xuất và các loại hình dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tại các tỉnh biên giới. Tạo thành trung tâm giao lưu kinh tế quốc tế Mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế và hữu nghị với nước láng giềng, phát triển và mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước

	vùng và khu vực.	và đảm bảo an ninh quốc phòng.
Các lĩnh vực hoạt động	Hình thành chiến lược phát triển vùng. Tham gia chuỗi giá trị xuyên biên giới. Phát triển dịch vụ Logistics Phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường các dịch vụ phát triển kinh doanh.	Trao đổi thương mại qua biên giới Thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước, thực hiện đầu xuyên biên giới. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại Phát triển không gian lãnh thổ và các khu dân cư.
Mô hình tổ chức	<i>(i) Cấp độ 1: Thiết lập các phương tiện và hoạt động hỗ trợ cho SBEZ tại một trong hai hoặc cả hai phía biên giới</i> Đây là mô hình đơn giản căn cứ vào những lợi thế so sánh của hai khu vực tiếp giáp giữa Thái Lan và các nước láng giềng và có thể giao thương bên ngoài với các quốc gia khác. <i>(ii) Cấp độ 2: Phát triển các chuỗi giá trị xuyên biên giới và cơ sở hạ tầng cứng/mềm để hỗ trợ SBEZ</i> Sự hợp tác xuyên biên giới thể hiện ở việc phát triển hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông như đường sắt hoặc đường bộ hỗ trợ cho thương mại dọc một khu vực biên giới cụ thể. <i>(iii) Cấp độ 3: Mở rộng giao thương, đầu tư xuyên biên giới, phát triển các dịch vụ trong SBEZ</i> Là mô hình toàn diện hơn gồm giao thương và đầu tư xuyên biên giới, các dịch vụ, trung tâm đào tạo, sự phát triển buôn bán và công nghiệp, và tài chính.	<i>Mô hình khu BEZ biệt lập</i> Là Khu BEZ có hàng rào cứng cách ly với bên ngoài, không có dân sinh sống, thường là có quy mô nhỏ. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa BEZ và thị trường trong và ngoài nước là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu; có tổ chức Hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát. <i>Mô hình khu BEZ thông thường</i> BEZ này có dân cư sinh sống, thường có quy mô lớn, không có hàng rào cứng cách ly với bên ngoài. Có nhiều phân khu chức năng. Phía bên kia biên giới có thể có hoặc không có khu kinh tế đối xứng. <i>Mô hình khu hợp tác kinh tế biên giới</i> Được thành lập trên cơ sở hai khu BEZ đối xứng nhau qua cửa khẩu biên giới, có diện tích rộng lớn, có dân cư sinh sống, được cách ly với bên ngoài bởi địa hình tự nhiên hoặc (có thể kết hợp cả với những bức tường rào cứng) và hoạt động theo cơ chế, chính sách chung.

Chính vì vậy, trong thời gian tới, các khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam vẫn sẽ hoạt động một cách độc lập, nhưng chính phủ và chính quyền địa phương ở Việt Nam cần tập trung hơn vào xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, phát triển logistics vùng biên giới [6], phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu các hoạt động hợp tác kinh tế giữa BEZ ở hai bên biên giới, tạo đà cho việc hình thành CBEZ linh hoạt, bền vững với những ưu điểm là khu phi thuế quan lớn, bố trí đầy đủ các chức năng theo yêu cầu và đảm bảo đầy chuyên tập trung; giao thông luồng hàng, luồng người riêng biệt; kết nối tốt với các dự án đã được phê duyệt; khu kiểm soát trên cầu đạt cao.

Thứ hai, đối với các BEZ khác. Chính quyền địa phương cần có quy hoạch cụ thể các phân khu chức năng để kêu gọi đầu tư đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất.

Trên cơ sở đó, mới mở rộng khả năng trao đổi hàng hóa, dịch vụ với các địa phương bên kia biên giới. Từ chiến lược phát triển SBEZ của Thái Lan cho thấy, chính phủ Thái Lan cam kết chú trọng nhiều hơn vào các dự án xây dựng đường sắt kết nối các vùng tiếp giáp biên giới để thúc đẩy thương mại và đầu tư xuyên biên giới.

4. Kết luận

Thực tiễn trong thời gian qua cho thấy, cho dù tồn tại dưới hình thức nào đi nữa, vai trò của khu kinh tế biên giới đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới của mỗi quốc gia là không thể phủ nhận. Trường hợp của Thái Lan cho thấy, kế hoạch thành lập SBEZ với mục tiêu thông qua các SBEZ để thu hút vốn đầu tư

từ các nền kinh tế lớn trong khu vực như Trung Quốc và Nhật Bản, được coi là hướng đi đúng hướng. Mặc dù, kế hoạch thành lập SBEZ của Thái Lan, cho đến nay đã phải điều chỉnh. Tuy nhiên, nó vẫn có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong việc định hướng phát triển các khu kinh tế cửa khẩu nhằm phát triển BEZ và hình thành các CBEZ phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương.

Tài liệu tham khảo

- [1] Montague Lord, Pawat Tangtrongita, Scoping Study for the Special Border Economic Zone (SBEZ) in the Indonesia-Malaysia-Thailand Growth Triangle (IMT-GT) Final Report 15 May 2014, 2014.
- [2] Ministry of Planning and Investment, Synthesis report of Project of development planning of BEZ Vietnam to 2020, Hanoi, 2008. (in Vietnamese).
- [3] Tran Bau Ha, State management of Cau Treo international border-gate economic zone, Doctoral thesis in Economics, 2017. (in Vietnamese).
- [4] Pham Si Thanh, "Economic cooperation zones across the border with China: How does the model of 'two countries one zone' work", 2017, <https://www.thesaigontimes.vn/266349/khu-hop-tac-kinh-te-qua-bien-gioi-voi-trung-quoc-mo-hinh-hai-nuoc-mot-khu-dang-di-toi-dau.html/>, accessed on 15 November 2018. (in Vietnamese).
- [5] Doan Cong Khanh, "Vietnam - China cross-border economic cooperation zone: The current situation and prospects", 2017, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Doi-ngoai-va-hoi-nhap/2017/43021/Khu-hop-tac-kinh-te-qua-bien-gioi-Viet-Nam-Trung.aspx>, accessed on 15 November 2018. (in Vietnamese).
- [6] Nikkei Asian Review, "Thailand scraps the ambition of SEZ cause of inefficiency", 2018,
- [7] <https://ndh.vn/vi-mo/thai-lan-tu-bo-tham-vong-ac-khu-kinh-te-vi-kem-hieu-qua-1239066.html/>, 2018 (accessed on 15 November 2018). (in Vietnamese).